

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN  
SADICO CẦN THƠ  
Thời gian ký: 31.03.2026 20:33:47  
+07:00

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 41

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E Cách Mạng Tháng Tám, phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc cập nhật giấy tờ tùy thân của người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Ngữ	Thành viên

##### Ban Kiểm soát

Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2025 và tái bổ nhiệm từ ngày 02/6/2025)
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 17/3/2025) (Miễn nhiệm từ ngày 02/6/2025)
Ông Nguyễn Kỳ Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/3/2026)
Ông Trịnh Xuân Thảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 04/02/2026)
Ông Lê Văn Đáng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/4/2025)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Văn Cường**

**Tổng Giám đốc**

*Giấy Ủy quyền số: 08/2025/GUQ-SDC ngày 31/12/2025 của Chủ tịch HĐQT*

*Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026*

Số: 170/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ, được lập ngày 28/3/2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 26/3/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature.

**Lưu Minh Tới**  
Phó Giám đốc phụ trách  
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1  
Giấy Ủy quyền số: 06/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

**Lê Thanh Tùng Lâm**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>372.236.062.132</b>	<b>432.832.423.325</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>11.533.787.135</b>	<b>20.242.553.498</b>
1. Tiền	111		11.533.787.135	20.242.553.498
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>72.599.754.000</b>	<b>77.599.754.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.937.613.000	3.937.613.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.337.859.000)	(2.337.859.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		71.000.000.000	76.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>156.576.988.377</b>	<b>217.089.484.445</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	142.532.909.315	206.518.718.183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	15.497.664.927	10.429.973.923
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	19.767.947.679	19.060.595.345
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(21.221.533.544)	(18.919.803.006)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>121.420.429.901</b>	<b>101.177.518.738</b>
1. Hàng tồn kho	141		121.420.429.901	101.177.518.738
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.105.102.719</b>	<b>16.723.112.644</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	3.027.742.831	11.050.728.628
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.494.714.912	5.672.384.016
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	582.644.976	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>354.113.773.753</b>	<b>384.209.930.594</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>247.500.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	247.500.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>328.940.295.289</b>	<b>336.703.439.827</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	328.940.295.289	336.703.439.827
- Nguyên giá	222		851.484.685.555	822.670.034.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(522.544.390.266)	(485.966.595.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		244.856.000	244.856.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.856.000)	(244.856.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.162.787.316</b>	<b>25.257.022.207</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	5.162.787.316	25.257.022.207
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>11.600.815.158</b>	<b>11.600.815.158</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.600.815.158	11.600.815.158
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.162.375.990</b>	<b>10.648.653.402</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.570.127.951	8.626.105.123
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.18	100.772.143	61.809.007
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		568.979.445	656.520.153
4. Lợi thế thương mại	269	5.12	922.496.451	1.304.219.119
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>726.349.835.885</b>	<b>817.042.353.919</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS TM	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>	<b>510.296.147.977</b>	<b>495.855.662.169</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>391.039.219.013</b>	<b>357.400.317.242</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.13	63.144.904.267	67.375.917.285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.14	2.531.180.853	2.224.413.495
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.15	1.361.089.354	2.040.971.084
4. Phải trả người lao động	314	12.132.364.282	13.782.909.956
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.16	26.552.066.572	6.550.059.323
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	590.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.17	20.911.068.465	3.830.973.975
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.19	236.917.625.173	233.248.161.687
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	26.898.920.047	28.346.910.437
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>119.256.928.964</b>	<b>138.455.344.927</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331 5.13	114.271.474.069	114.294.344.927
2. Phải trả dài hạn khác	337 5.17	4.800.000.000	23.350.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.19	-	811.000.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341 5.18	185.454.895	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>	<b>216.053.687.908</b>	<b>321.186.691.750</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.20</b>	<b>216.053.687.908</b>	<b>321.186.691.750</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	101.399.970.000	101.399.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	101.399.970.000	101.399.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	36.088.794.660	36.024.541.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.265.095.142	99.528.157.567
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	87.405.198.877	126.157.915.433
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	(46.140.103.735)	(26.629.757.866)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	37.349.828.106	84.284.022.209
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>	<b>726.349.835.885</b>	<b>817.042.353.919</b>

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Nga

Phụ trách kế toán



Vũ Thị Nga

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

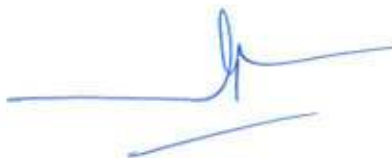
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.076.509.353.872	1.136.999.015.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	61.881.705.107	52.120.185.890
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	1.014.627.648.765	1.084.878.829.383
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.029.748.254.260	1.057.179.293.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(15.120.605.495)	27.699.535.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	7.633.056.052	14.739.947.281
7. Chi phí tài chính	22	6.6	16.088.059.748	21.969.456.448
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.486.059.748	19.762.955.659
8. Phần lãi/ lỗ trong Công ty liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	24.678.297.000	26.366.266.259
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	43.271.687.874	45.028.562.408
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(91.525.594.065)	(50.924.801.866)
12. Thu nhập khác	31	6.8	32.674.950	90.043.917
13. Chi phí khác	32	6.8	17.329.252	786.528.401
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	15.345.698	(696.484.484)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(91.510.248.367)	(51.621.286.350)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	87.341.106	966.565.802
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	146.491.759	(181.063.785)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(91.744.081.232)	(52.406.788.367)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(46.140.103.735)	(26.629.757.866)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(45.603.977.497)	(25.777.030.501)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	(4.550)	(2.815)

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Nga

Vũ Thị Nga

Nguyễn Văn Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(91.510.248.367)	(51.621.286.350)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02		36.577.795.099	36.437.063.594
- Các khoản dự phòng	03		2.301.730.538	2.900.566.166
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(480.100)	(1.850.318)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.630.971.341)	(14.612.871.500)
- Chi phí lãi vay	06		14.486.059.748	19.762.955.659
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(45.776.114.423)	(7.135.422.749)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56.101.680.376	107.445.938.751
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.155.370.455)	33.457.275.005
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.589.216.560	28.441.596.392
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.078.962.969	(12.772.847.235)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.866.582.677)	(19.946.457.861)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(332.917.629)	(2.961.152.411)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(446.324.256)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.262.521.556)	5.209.379.296
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(7.623.646.835)</b>	<b>131.291.984.932</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.878.206.601)	(87.435.278.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	136.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.000.000.000	147.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.048.617.487	19.477.699.658
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>6.170.410.886</b>	<b>(20.821.214.929)</b>

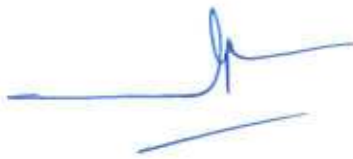
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		889.947.146.702	905.313.668.872
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(887.088.683.216)	(1.006.248.878.961)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.114.474.000)	(20.294.290.790)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(7.256.010.514)</i>	<i>(121.229.500.879)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(8.709.246.463)	(10.758.730.876)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.242.553.498	30.999.434.056
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>480.100</i>	<i>1.850.318</i>
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	11.533.787.135	20.242.553.498

Người lập biểu



Vũ Thị Nga

Phụ trách kế toán



Vũ Thị Nga

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026  
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc cập nhật giấy tờ tùy thân của người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Số lao động của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là: 628 người (tại ngày 01/01/2025 là: 687 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy, Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy, sản xuất xi măng và dịch vụ vận tải.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con như sau:

Stt	Bên liên quan	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
<b>A. Công ty con trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất xi măng, thạch cao	51,06%	51,06%	51,06%
<b>B. Công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô - Công ty gián tiếp</b>						
2	Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	68,52%	68,52%	34,99%
3	Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung ứng lao động tạm thời	90,50%	90,50%	46,21%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2025.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư khác***

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 12
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 03 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

***Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ với Tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ Công ty mẹ - Công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

***Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ***

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: chi phí khuyến mãi, chi phí lãi vay phải trả, trích trước chi phí nhập mua nguyên vật liệu, chi phí tiền điện và chi phí khác.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu thành phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và chiết khấu ký quỹ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, sản xuất bao bì, sản xuất xi măng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.533.787.135	20.242.553.498
<b>Tổng</b>	<b>11.533.787.135</b>	<b>20.242.553.498</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	71.000.000.000	71.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>76.000.000.000</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần và được hưởng lãi theo lãi suất từng thời điểm. Trong đó, Khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng với số tiền tại ngày 31/12/2025 là: 70 tỷ VND, tại ngày 01/01/2025 là: 75 tỷ VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CÀN THO**

366E Cách Mạng Tháng Tám,  
phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b) Chứng khoán kinh doanh**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (Trình bày lại) (VND)			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
Công ty CP XM Vicem Hải Vân	615.290	3.937.613.000	1.599.754.000	(2.337.859.000)	615.290	3.937.613.000	1.599.754.000	(2.337.859.000)
<b>Tổng</b>	<b>615.290</b>	<b>3.937.613.000</b>	<b>1.599.754.000</b>	<b>(2.337.859.000)</b>	<b>615.290</b>	<b>3.937.613.000</b>	<b>1.599.754.000</b>	<b>(2.337.859.000)</b>

(i) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định bằng số lượng cổ phiếu nắm giữ nhân với giá đóng cửa của Cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2025 và ngày 31/12/2024 tương ứng.

**c) Đầu tư tài chính dài hạn**

STT	Đối tượng được đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (Trình bày lại) (VND)	
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>L</b>	<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
1	Công ty CP XM Hà Tiên	7,75%	7,75%	2.682.621.200	(i)	2.682.621.200	(i)
2	Công ty CP XM Hà Tiên - Kiên Giang	0,28%	0,28%	1.550.893.958	(i)	1.550.893.958	(i)
3	Công ty CP Da Tây Đô			69.500.000	(i)	69.500.000	(i)
4	Công ty CP ĐT XD Hồng Phát			498.000.000	(i)	498.000.000	(i)
5	Công ty CP Bê Tông Hamaco			6.799.800.000	(i)	6.799.800.000	(i)
	<b>Tổng</b>			<b>11.600.815.158</b>		<b>11.600.815.158</b>	

(i) Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của các khoản đầu tư tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	8.205.108.773	20.366.984.699
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	6.400.000.000	7.900.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	2.061.774.000	4.960.875.360
Công ty TNHH Công nghiệp Bao C.P. (Việt Nam)	4.477.200.048	6.605.148.988
Công ty CP Đầu tư sản xuất và Xuất nhập khẩu Sài Gòn	4.387.220.450	10.823.952.370
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	4.499.999.920	4.499.999.920
Công ty TNHH XD TM VT Phan Thành	176.000.000	176.000.000
Phải thu khách hàng khác	112.325.606.124	151.185.756.846
<b>Tổng</b>	<b>142.532.909.315</b>	<b>206.518.718.183</b>
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>8.205.108.773</i>	<i>20.366.984.699</i>

Số dư nợ phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2025 có giá trị ghi sổ là 122.990.290.171 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 200.912.048.267 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Windmoller and Holscher Machinery K.S.	155.448.212	20.331.920
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ Khí Minh Tú	3.381.035.000	3.177.469.000
Ông Trần Duy Trúc	-	1.126.684.700
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	2.548.800.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	6.900.929.376	3.368.374.350
Các đối tượng khác	2.511.452.339	2.737.113.953
<b>Tổng</b>	<b>15.497.664.927</b>	<b>10.429.973.923</b>
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>6.900.929.376</i>	<i>3.368.374.350</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	19.767.947.679	(159.900.000)	19.060.595.345	(159.900.000)
- Tạm ứng	5.270.586.508	-	5.370.245.805	-
- Ký cược, ký quỹ	248.930.545	-	236.356.882	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô - Phải thu cổ tức được chia	5.980.900.000	-	5.980.900.000	-
- Phải thu khác, trong đó:	8.267.530.626	(159.900.000)	7.473.092.658	(159.900.000)
+ Phải thu lãi tiền gửi	1.864.200.000	-	1.957.024.657	-
+ Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	2.343.794.444	-	2.546.500.000	-
+ Phải thu khác	4.059.536.182	(159.900.000)	2.969.568.001	(159.900.000)
b) Dài hạn	247.500.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	247.500.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>20.015.447.679</b>	<b>(159.900.000)</b>	<b>19.060.595.345</b>	<b>(159.900.000)</b>
<i>Trong đó, phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>5.980.900.000</i>		<i>5.980.900.000</i>	

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	76.084.141.887	-	58.897.883.790	-
Công cụ, dụng cụ	8.452.582.144	-	8.288.587.261	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.226.873.294	-	5.430.657.206	-
Thành phẩm	27.360.429.440	-	19.211.562.865	-
Hàng hóa	5.296.403.136	-	9.348.827.616	-
<b>Tổng</b>	<b>121.420.429.901</b>	<b>-</b>	<b>101.177.518.738</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho với giá gốc tại ngày 31/12/2025 là 69.323.615.782 VND (tại ngày 01/01/2025 là 55.500.008.416 VND) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CÁN THO**  
366E Cách Mạng Tháng Tám,  
phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Nợ xấu**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)				
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự Phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự Phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>								
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Từ 2 - 3 năm	7.900.000.000	(4.224.340.540)	3.675.659.460	Từ 1 - 3 năm	7.900.000.000	(4.017.672.040)	3.882.327.960
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Từ 1 - 2 năm	4.960.875.360	(849.124.656)	4.111.750.704	Từ 6 tháng - 1 năm	2.830.415.520	(849.124.656)	1.981.290.864
Công ty TNHH XD Thương mại Vận tải Phan Thành	> 3 năm	460.344.767	(460.344.767)	-	Từ 1 năm đến trên 3 năm	636.344.767	(636.344.767)	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Minh	> 3 năm	2.998.670.798	(2.998.670.798)	-	> 3 năm	2.998.670.798	(2.998.670.798)	-
Các đối tượng khác	Từ 1 - 3 năm	11.142.764.511	(7.776.982.863)	3.365.781.648	> 3 năm	8.685.165.909	(5.758.990.825)	2.926.175.084
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>								
Công ty TNHH MTV Nghị Lực	Từ 1 - 2 năm	240.170.000	(240.170.000)	-	Trong hạn	480.340.000	-	480.340.000
Đối tượng khác	> 3 năm	12.000.000	(12.000.000)	-		12.000.000	-	12.000.000
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>								
Bà Nguyễn Hoàng Yến	> 3 năm	159.900.000	(159.900.000)	-	> 3 năm	159.000.000	(159.000.000)	-
<b>Tổng</b>		<b>32.374.725.356</b>	<b>(21.221.533.544)</b>	<b>11.153.191.812</b>		<b>28.201.936.914</b>	<b>(18.919.803.006)</b>	<b>9.282.133.908</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**  
366E Cách Mạng Tháng Tám,  
phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2025	416.253.971.107	316.127.879.597	86.221.793.768	3.242.486.703	823.903.819	822.670.034.994
Tăng trong năm	26.023.928.575	297.630.000	2.493.091.986	-	-	28.814.650.561
Mua trong năm	-	297.630.000	2.493.091.986	-	-	2.790.721.986
Xây dựng cơ bản hoàn thành	26.023.928.575	-	-	-	-	26.023.928.575
Số dư tại ngày 31/12/2025	442.277.899.682	316.425.509.597	88.714.885.754	3.242.486.703	823.903.819	851.484.685.555
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2025	199.722.409.085	212.940.020.014	69.406.869.160	3.073.393.089	823.903.819	485.966.595.167
Tăng trong năm	18.947.232.508	14.734.690.943	2.860.310.716	35.560.932	-	36.577.795.099
Khấu hao trong năm	18.947.232.508	14.734.690.943	2.860.310.716	35.560.932	-	36.577.795.099
Số dư tại ngày 31/12/2025	218.669.641.593	227.674.710.957	72.267.179.876	3.108.954.021	823.903.819	522.544.390.266
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2025	216.531.562.022	103.187.859.583	16.814.924.608	169.093.614	-	336.703.439.827
Tại ngày 31/12/2025	223.608.258.089	88.750.798.640	16.447.705.878	133.532.682	-	328.940.295.289

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 209.936.680.707 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 204.359.459.633 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 204.166.324.910 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 220.755.789.495 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	244.856.000	244.856.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>244.856.000</u>	<u>244.856.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	244.856.000	244.856.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>244.856.000</u>	<u>244.856.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	-	-

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 244.856.000 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 244.856.000 VND).

**5.10 Chi phí trả trước**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.027.742.831</b>	<b>11.050.728.628</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.364.653.811	7.502.127.162
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	271.276.576	2.627.144.647
Chi phí bành vồng chờ phân bổ	-	696.735.898
Chi phí bảo hiểm	86.824.466	129.089.528
Chi phí khác	1.304.987.978	95.631.393
<b>Dài hạn</b>	<b>6.570.127.951</b>	<b>8.626.105.123</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.095.402.810	901.907.866
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.490.522.088	7.132.321.479
Chi phí khác	984.203.053	591.875.778
<b>Tổng</b>	<b><u>9.597.870.782</u></b>	<b><u>19.676.833.751</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Cải tạo nâng cấp: Hệ thống bơm tro bay-xi mịn	3.017.753.597	3.830.407.062
Cải tạo sửa chữa hệ thống Silo chứa nguyên liệu	245.217.732	20.534.848.500
Xây dựng kho nguyên liệu, phân xưởng sản xuất 3 và đường đi	1.899.815.987	204.493.918
Xe Bán Tải Ford Ranger 2.0L 6AT 4x4 XLS 5 chỗ	-	687.272.727
<b>Tổng</b>	<b>5.162.787.316</b>	<b>25.257.022.207</b>

**5.12 Lợi thế thương mại**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Xi Măng Tây Đô	3.817.226.683	3.817.226.683
<b>Tổng</b>	<b>3.817.226.683</b>	<b>3.817.226.683</b>
Đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến cuối năm trước	2.513.007.564	2.131.284.896
Đã phân bổ vào chi phí trong năm	381.722.668	381.722.668
<b>Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm</b>	<b>922.496.451</b>	<b>1.304.219.119</b>

**5.13 Phải trả người bán**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>63.144.904.267</b>	<b>63.144.904.267</b>	<b>67.375.917.285</b>	<b>67.375.917.285</b>
Công ty Cổ phần SX TM DV Đức Quân	662.385.600	662.385.600	945.953.250	945.953.250
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	3.881.703.600	3.881.703.600	1.710.500.000	1.710.500.000
Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina	-	-	4.313.925.000	4.313.925.000
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Hòa Phát	20.831.365.721	20.831.365.721	7.185.919.265	7.185.919.265
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Thiên Phúc	27.660.560.225	27.660.560.225	23.129.219.560	23.129.219.560
Các đối tượng khác	10.108.889.121	10.108.889.121	30.090.400.210	30.090.400.210
<b>b) Dài hạn</b>	<b>114.271.474.069</b>	<b>114.271.474.069</b>	<b>114.294.344.927</b>	<b>114.294.344.927</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Thiên Phúc	107.047.814.059	107.047.814.059	99.887.064.497	99.887.064.497
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Hòa Phát	7.223.660.010	7.223.660.010	14.407.280.430	14.407.280.430
<b>Tổng</b>	<b>177.416.378.336</b>	<b>177.416.378.336</b>	<b>181.670.262.212</b>	<b>181.670.262.212</b>
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	-	203.551.683	203.551.683

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Thương mại SHINWOO	537.128.480	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Bảo	-	468.901.080
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Hương Giang	454.404.355	303.365.506
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hưng Thành	378.700.788	569.028.278
Các đối tượng khác	1.160.947.230	883.118.631
<b>Tổng</b>	<b>2.531.180.853</b>	<b>2.224.413.495</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>2.040.971.084</b>	<b>9.895.584.323</b>	<b>10.575.466.053</b>	<b>1.361.089.354</b>
Thuế GTGT	969.824.593	5.289.860.959	5.404.144.614	855.540.938
Thuế nhập khẩu	-	104.257.302	104.257.302	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	302.011.134	87.341.106	332.917.629	56.434.611
Thuế thu nhập cá nhân	764.941.507	2.545.250.305	2.865.021.057	445.170.755
Thuế tài nguyên	4.193.850	80.614.720	80.865.520	3.943.050
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.659.574.408	1.659.574.408	-
Các loại thuế, các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	128.685.523	128.685.523	-
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>582.644.976</b>	<b>582.644.976</b>
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	-	-	582.644.976	582.644.976

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí khuyến mãi	18.647.050.419	2.008.683.636
Chi phí lãi vay phải trả	312.825.031	241.597.086
Trích trước nhập mua nguyên liệu	2.360.000.000	-
Trích trước chi phí tiền điện	4.072.175.066	4.021.547.867
Chi phí phải trả khác	1.160.016.056	278.230.734
<b>Tổng</b>	<b>26.552.066.572</b>	<b>6.550.059.323</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.911.068.465</b>	<b>3.830.973.975</b>
Kinh phí công đoàn	94.529.325	163.821.900
BHXH, BHYT, BHTN	311.624	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	17.850.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	412.989.200	387.466.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.553.238.316	3.279.685.875
<b>Dài hạn</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>23.350.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	4.800.000.000	23.350.000.000
<b>Tổng</b>	<b>25.711.068.465</b>	<b>27.180.973.975</b>
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.240.000.000</i>

(i) Nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến số tiền mà Công ty nhận được từ khách hàng mua xi măng.

**5.18 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	100.772.143	61.809.007
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>100.772.143</b>	<b>61.809.007</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	185.454.895	-
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>185.454.895</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuế tài chính**

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	236.917.625.173	236.917.625.173	889.947.146.702	886.277.683.216	233.248.161.687	233.248.161.687
a.1) Vay ngắn hạn	236.917.625.173	236.917.625.173	889.947.146.702	877.988.683.216	224.959.161.687	224.959.161.687
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (i)	125.673.190.782	125.673.190.782	529.325.384.027	483.633.769.823	79.981.576.578	79.981.576.578
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	81.292.073.572	81.292.073.572	326.627.815.257	360.342.388.553	115.006.646.868	115.006.646.868
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ - Thấu chi (iii)	29.952.360.819	29.952.360.819	33.993.947.418	34.012.524.840	29.970.938.241	29.970.938.241
a.2) Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	8.289.000.000	8.289.000.000	8.289.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	8.289.000.000	8.289.000.000	8.289.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	811.000.000	811.000.000	811.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	811.000.000	811.000.000	811.000.000
<b>Tổng</b>	<b>236.917.625.173</b>	<b>236.917.625.173</b>	<b>889.947.146.702</b>	<b>887.088.683.216</b>	<b>234.059.161.687</b>	<b>234.059.161.687</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Thông tin các khoản vay của Công ty và các Công ty con như sau:

(i) **Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ bao gồm các hợp đồng sau:**

(i.1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 130/2025-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP SADICO CAN THO ký ngày 01/7/2025;

Hạn mức : Theo hợp đồng cấp hạn mức;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn duy trì hạn mức : Đến hết ngày 30/6/2026;

Lãi suất vay : Lãi suất theo từng giấy nhận nợ;

Hình thức đảm bảo : Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị;

(i.2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 150/2025-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP XIMANGTAYDO ngày 17/6/2025;

Hạn mức : Theo hợp đồng cấp hạn mức;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn duy trì hạn mức : kể từ ngày 17/6/2025 đến hết ngày 17/6/2026;

Lãi suất vay : Lãi suất theo từng giấy nhận nợ;

Hình thức đảm bảo : Tiền gửi có kỳ hạn; quyền đòi nợ, hàng tồn kho luân chuyển và tài sản cố định hữu hình;

(i.3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 187/2025/NHCT820-CTY VANTAIXIMANGTAYDO ngày 03/10/2025;

Hạn mức : Theo hợp đồng cấp hạn mức;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn duy trì hạn mức : kể từ ngày 03/10/2025 đến hết ngày 15/11/2025;

Lãi suất vay : Theo từng giấy nhận nợ;

Hình thức đảm bảo : Toàn bộ phương tiện giao thông thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô.

(ii) **Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ bao gồm các hợp đồng sau:**

(ii.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2025/13791013/HĐTD ký ngày 14/2/2025;

Hạn mức : Theo hợp đồng cấp hạn mức;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn duy trì hạn mức : Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/01/2026;

Lãi suất vay : Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;

Hình thức đảm bảo : Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu của Công ty, hàng tồn kho và máy móc thiết bị;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(ii.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2025/447247/HĐTD ngày 11/12/2025;

Hạn mức : Theo hợp đồng cấp hạn mức;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

Thời hạn duy trì hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 15/11/2026;

Lãi suất vay : Lãi suất theo từng giấy nhận nợ;

Hình thức đảm bảo : Tiền gửi có kỳ hạn; nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình; bảo

(iii) **Vay thấu chi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: : Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2025/13791013/HĐTD ký ngày 28/10/2025.

Hạn mức : Theo hợp đồng cấp hạn mức;

Mục đích vay : Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn duy trì hạn mức : Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/10/2026;

Lãi suất vay : 5,1%/năm (được áp dụng tới ngày 21/11/2025) và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng;

Hình thức đảm bảo : Được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2021/13791013/HĐBĐ ngày 12/4/2021;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**  
366E Cách Mạng Tháng Tám,  
phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	101.399.970.000	(50.000.000)	32.220.093.802	156.496.774.720	111.850.124.573	401.916.963.095
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(26.629.757.866)	(25.777.030.501)	(52.406.788.367)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	3.804.448.172	(9.873.809.522)	(809.101.476)	(6.878.462.826)
Thù lao hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(1.374.862.282)	(591.937.718)	(1.966.800.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.279.994.000)	-	(20.279.994.000)
Ảnh hưởng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	1.189.806.517	(388.032.669)	801.773.848
<b>Số dư ngày 31/12/2024</b>	<b>101.399.970.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>36.024.541.974</b>	<b>99.528.157.567</b>	<b>84.284.022.209</b>	<b>321.186.691.750</b>
Số dư tại ngày 01/01/2025	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	99.528.157.567	84.284.022.209	321.186.691.750
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(46.140.103.735)	(45.603.977.497)	(91.744.081.232)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	64.252.686	(64.252.686)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(99.439.443)	(65.386.167)	(164.825.610)
Trích quỹ thường Ban điều hành (i)	-	-	-	(1.819.269.561)	(1.264.830.439)	(3.084.100.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(10.139.997.000)	-	(10.139.997.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>101.399.970.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>36.088.794.660</b>	<b>41.265.095.142</b>	<b>37.349.828.106</b>	<b>216.053.687.908</b>

(i) Công ty và các Công ty con phân phối lợi nhuận theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025 của Công ty và các Công ty con.

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bà Phạm Thị Thúy	23.016.920.000	23.016.920.000
Bà Phạm Thị Thêu	22.570.000.000	22.570.000.000
Ông Bùi Văn Tùng	19.578.790.000	19.578.790.000
Bà Trương Thị Phương Thúy	14.950.440.000	14.950.440.000
Ông Mai Công Toàn	9.521.000.000	9.521.000.000
Các cổ đông khác	11.762.820.000	11.762.820.000
<b>Tổng</b>	<b>101.399.970.000</b>	<b>101.399.970.000</b>

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	101.399.970.000	101.399.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	101.399.970.000	101.399.970.000
Chia cổ tức	10.139.997.000	20.279.994.000

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**

**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái	80.640.710	80.640.710
Các đối tượng khác	1.997.944.991	2.189.054.719
<b>Tổng</b>	<b>2.078.585.701</b>	<b>2.269.695.429</b>

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
USD	45.767,04	1.791,34
Tương đương VND	1.193.544.370	44.758.911

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)****c) Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo thời hạn, ước tính như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	2.365.473.061	2.292.507.401
Trên 01 năm đến 05 năm	8.009.599.775	2.433.995.208
Trên 05 năm	37.136.026.187	16.391.752.149
<b>Tổng</b>	<b>47.511.099.023</b>	<b>21.118.254.758</b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động nêu trên bao gồm:

- Diện tích 19.700 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 1.222,8 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 2.948,2 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 19 và 51, tờ bản đồ số 36 và 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 33/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 26/11/2001 đến 26/11/2026.
- Diện tích 7.752,1 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 16/8/2001 đến 16/8/2026.
- Diện tích 66.522,5 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 393 và 394, tờ bản đồ số 7, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTD-2025 ngày 23/4/2025, thời hạn 25 năm tính từ ngày 01/01/2024 đến 01/01/2049.
- Diện tích 43.067,4 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 292 và 293, tờ bản đồ số 7, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ. Gồm 02 thửa đất thuê với thời hạn thuê như sau:
  - + Diện tích 39.186,1 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 292 và 293, tờ bản đồ số 7, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ theo Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTD-2019 ngày 15/01/2019 với thời hạn 50 năm tính từ ngày 10/7/2018 đến 10/7/2068.
  - + Diện tích 3.881,3 m<sup>2</sup> đất (Phần diện tích phạm hành lang an toàn sông) tại thửa đất số 292 và 293, tờ bản đồ số 7, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ theo Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTD-2019 ngày 15/01/2019 với thời hạn hàng năm, kể từ ngày 10/7/2018.
- Diện tích 6.914,9 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 38A, tờ bản đồ số 10, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	136.935.824.007	131.517.495.701
Doanh thu bán thành phẩm	924.316.542.558	983.529.262.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.366.780.669	20.677.616.120
Doanh thu khác	2.890.206.638	1.274.640.488
<b>Tổng</b>	<b>1.076.509.353.872</b>	<b>1.136.999.015.273</b>

*Trong đó, doanh thu bán hàng với các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

*25.336.980.819 39.380.181.033*

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	61.877.355.107	52.109.201.390
Giảm giá hàng bán	4.350.000	10.984.500
<b>Tổng</b>	<b>61.881.705.107</b>	<b>52.120.185.890</b>

*Trong đó, giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

*2.754.472.915 3.425.986.943*

**6.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	136.935.824.007	131.517.495.701
Doanh thu bán thành phẩm	862.434.837.451	931.409.077.074
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.366.780.669	20.677.616.120
Doanh thu khác	2.890.206.638	1.274.640.488
<b>Tổng</b>	<b>1.014.627.648.765</b>	<b>1.084.878.829.383</b>

**6.4 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	134.153.773.179	117.190.106.011
Giá vốn bán thành phẩm	882.739.641.821	924.235.129.234
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.181.453.207	10.198.542.525
Giá vốn hoạt động khác	4.673.386.053	5.555.515.645
<b>Tổng</b>	<b>1.029.748.254.260</b>	<b>1.057.179.293.415</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	3.110.201.541	4.325.288.864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.520.769.800	10.201.219.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	480.100	1.850.318
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.604.611	-
Chiết khấu thanh toán	-	211.589.099
<b>Tổng</b>	<b>7.633.056.052</b>	<b>14.739.947.281</b>

**6.6 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	14.486.059.748	19.762.955.659
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	-	258.421.800
Chiết khấu ký quỹ	1.602.000.000	1.948.078.989
<b>Tổng</b>	<b>16.088.059.748</b>	<b>21.969.456.448</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>24.678.297.000</b>	<b>26.366.266.259</b>
Chi phí nhân viên	4.516.648.687	4.820.597.713
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.434.120.488	3.901.680.547
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	88.657.670	24.362.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.920.122	333.472.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.259.232.439	8.087.187.552
Chi phí bằng tiền khác	8.210.717.594	9.198.964.924
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>43.271.687.874</b>	<b>45.028.562.408</b>
Chi phí nhân viên quản lý	20.965.954.960	23.053.316.087
Chi phí vật liệu quản lý	754.571.831	632.739.225
Chi phí đồ dùng văn phòng	191.170.395	418.092.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.380.416.348	2.383.256.166
Thuế phí và lệ phí	1.718.350.711	2.289.980.663
Chi phí dự phòng	2.301.730.538	2.642.144.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.720.609.193	6.692.523.602
Chi phí bằng tiền khác	6.857.161.230	6.534.787.272
Phân bổ lợi thế thương mại	381.722.668	381.722.668
<b>Tổng</b>	<b>67.949.984.874</b>	<b>71.394.828.667</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.8 Lợi nhuận khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	86.363.636
Các khoản khác	32.674.950	3.680.281
<b>Tổng</b>	<b>32.674.950</b>	<b>90.043.917</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản bị phạt	3.025.615	679.261.996
Các khoản khác	14.303.637	107.266.405
<b>Tổng</b>	<b>17.329.252</b>	<b>786.528.401</b>
<b>Lợi nhuận thuần khác</b>	<b>15.345.698</b>	<b>(696.484.484)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	749.819.013.871	693.092.890.945
Chi phí nhân công	107.140.484.884	117.334.231.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.577.795.099	36.437.063.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.893.019.136	137.864.392.940
Chi phí khác bằng tiền	53.887.290.375	28.984.208.604
<b>Tổng</b>	<b>1.075.317.603.365</b>	<b>1.013.712.787.644</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty và các Công ty con	87.341.106	966.565.802
<b>Tổng</b>	<b>87.341.106</b>	<b>966.565.802</b>

**6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	158.288.319	654.823.483
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(83.176.889)	(175.883.573)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(660.003.695)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	71.380.329	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>146.491.759</b>	<b>(181.063.785)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (VND)	(46.140.103.735)	(26.629.757.866)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(1.918.709.004)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	(46.140.103.735)	(28.548.466.870)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.139.997	10.139.997
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(4.550)</b>	<b>(2.815)</b>

Tại ngày Báo cáo, Công ty và các Công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:**

Công ty mẹ xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trên lợi nhuận sau thuế năm 2024 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và các Công ty con năm 2025. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại như sau:

	Năm 2024 Số đã trình bày	Năm 2024 Số trình bày lại	Chênh lệch
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(26.629.757.866)	(26.629.757.866)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(1.918.709.004)	(1.918.709.004)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	(26.629.757.866)	(28.548.466.870)	(1.918.709.004)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.139.997	10.139.997	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(2.626)</b>	<b>(2.815)</b>	<b>(189)</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

**Danh sách bên liên quan**

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Cùng Chủ tịch
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	480.000.000	560.000.000
Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng và thù lao	7.377.756.250	6.701.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	555.619.963	1.062.888.154
<b>Tổng</b>		<b>8.413.376.213</b>	<b>8.323.888.154</b>

**a.1 Thù lao của Hội đồng Quản trị**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	534.000.000	558.000.000
Ông Đỗ Hữu Hướng	Thành viên HĐQT độc lập	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngự	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)	-	40.000.000
Ông Mai Công Quyết	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)	-	40.000.000
<b>Tổng</b>		<b>774.000.000</b>	<b>878.000.000</b>

**a.2 Thù lao của Ban Kiểm soát**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Khuê	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)	-	20.000.000
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>		<b>240.000.000</b>	<b>240.000.000</b>

**a.3 Lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	6.843.756.250	6.143.000.000
Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc	488.713.507	598.178.535
Ông Lê Văn Đáng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/04/2025)	66.906.456	464.709.619
<b>Tổng</b>		<b>7.399.376.213</b>	<b>7.205.888.154</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong năm**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		<b>25.336.980.819</b>	<b>39.380.181.033</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Bán thành phẩm	22.086.368.225	33.684.227.209
	Cung cấp dịch vụ, hàng hoá khác	3.250.612.594	5.695.953.824
<b>Mua hàng</b>		<b>3.289.080.366</b>	<b>4.600.337.600</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.289.080.366	4.600.337.600
<b>Giảm trừ doanh thu</b>		<b>2.754.472.915</b>	<b>3.425.986.943</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Chiết khấu thương mại	2.754.472.915	3.425.986.943

**c. Số dư chủ yếu với bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>8.205.108.773</b>	<b>20.366.984.699</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	8.205.108.773	20.366.984.699
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>5.980.900.000</b>	<b>5.980.900.000</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	5.980.900.000	5.980.900.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>6.900.929.376</b>	<b>3.368.374.350</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	6.900.929.376	3.368.374.350
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>203.551.683</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	-	203.551.683
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>240.000.000</b>
Công ty Cổ Phần Bê Tông Tây Đô	-	240.000.000
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	2.000.000.000	2.000.000.000

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày lại số liệu đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 nhằm đảm bảo cho Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày đầy đủ thông tin và phù hợp với số trình bày cuối năm này, cụ thể như sau:

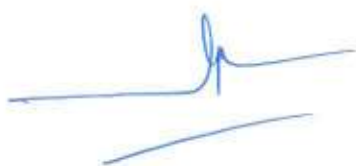
Khoản mục	Mã số	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Chứng khoán kinh doanh	121	-	3.937.613.000	3.937.613.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	(2.337.859.000)	(2.337.859.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11.304.913.000	7.367.300.000	(3.937.613.000)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(2.908.231.831)	(570.372.831)	2.337.859.000

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Nga

Vũ Thị Nga

Nguyễn Văn Cường